

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- Triết học Mác - Lênin là gì?**
 - Khoa học của mọi khoa học.
 - Hệ thống tri thức lý luận chung nhất về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới.**
 - Khoa học nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên.
 - Khoa học nghiên cứu về con người và sự nghiệp giải phóng con người ra khỏi mọi sự áp bức bất công.
- Triết học Mác - Lênin ra đời trong điều kiện kinh tế - xã hội nào?**
 - Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành phương thức sản xuất thống trị.**
 - Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mới xuất hiện.
 - Chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc.
 - Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
- Chủ nghĩa duy vật (CNDV) nào đồng nhất vật chất nói chung với một dạng hay một thuộc tính cụ thể của nó?**
 - CNDV biện chứng.
 - CNDV siêu hình thế kỷ 17-18.
 - CNDV trước Mác.**
 - CNDV tự phát thời cổ đại.
- Trong định nghĩa về vật chất của V.I.Lênin, đặc tính nào của mọi dạng vật chất là quan trọng nhất để phân biệt nó với ý thức?**
 - Tính thực tại khách quan độc lập với ý thức của con người.**
 - Tính luôn vận động và biến đổi.
 - Tính có khối lượng và quảng tính.
 - Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
- Bổ sung để được một khẳng định đúng: “Định nghĩa về vật chất của V.I.Lênin . . .”.**
 - thừa nhận vật chất tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức con người, thông qua các dạng cụ thể của vật chất.**
 - thừa nhận vật chất nói chung tồn tại vĩnh viễn, tách rời các dạng cụ thể của vật chất.
 - đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất.
 - đồng nhất vật chất với khối lượng.
- Bổ sung để được một khẳng định đúng: “Chủ nghĩa duy vật biện chứng . . .”.**
 - không cho rằng thế giới thống nhất ở tính vật chất.
 - không đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất.**
 - đồng nhất vật chất với ý thức.
 - đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất.
- Lập luận nào sau đây phù hợp với quan niệm duy vật biện chứng về vật chất?**
 - Vật chất là cái được cảm giác con người đem lại; nhận thức là tìm hiểu cái cảm giác đó.
 - Ý thức chỉ là cái phản ánh vật chất; con người có khả năng nhận thức được thế giới .**
 - Có cảm giác mới có vật chất; cảm giác là nội dung mà con người phản ánh trong nhận thức.
 - Vật chất là cái gây nên cảm giác cho con người; nhận thức chỉ là sự sao chép nguyên xi thế giới vật chất.

8. **Hãy sắp xếp hình thức vận động từ thấp đến cao?**

- A. Sinh học - xã hội - vật lý - cơ học – hóa học.
- B. Vật lý - cơ học – hóa học - sinh học - xã hội.
- C. **Cơ học - vật lý – hóa học - sinh học - xã hội.**
- D. Vật lý – hóa học - cơ học - xã hội - sinh học.

9. **Vì sao đứng im mang tính tương đối?**

- A. Vì nó chỉ xảy ra trong ý thức.
- B. **Vì nó chỉ xảy ra trong một mối quan hệ nhất định, đối với một hình thức vận động xác định.**
- C. Vì nó chỉ xảy ra trong một sự vật nhất định.
- D. Vì nó chỉ là quy ước của con người.

10. **Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm duy vật biện chứng: “Không gian và thời gian ...”.**

- A. chỉ là cảm giác của con người.
- B. **gắn liền với nhau và với vật chất vận động.**
- C. không gắn bó với nhau và tồn tại độc lập với vật chất vận động.
- D. tồn tại khách quan và tuyệt đối.

11. **Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm duy vật biện chứng: “Phản ánh là thuộc tính. .”.**

- A. đặc biệt của các dạng vật chất hữu cơ.
- B. **phổ biến của mọi dạng vật chất.**
- C. riêng của các dạng vật chất vô cơ.
- D. duy nhất của não người.

12. **Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm duy vật biện chứng: “Ý thức là thuộc tính của ...”.**

- A. vật chất sống.
- B. mọi dạng vật chất trong tự nhiên.
- C. động vật bậc cao có hệ thần kinh trung ương.
- D. **một dạng vật chất có tổ chức cao nhất là bộ não con người.**

13. **Theo quan điểm duy vật biện chứng, quá trình ý thức diễn ra dựa trên cơ sở nào?**

- A. Trên cơ sở trao đổi thông tin một chiều từ đối tượng đến chủ thể.
- B. **Trên cơ sở trao đổi thông tin hai chiều từ chủ thể đến khách thể và ngược lại.**
- C. Trên cơ sở trao đổi thông tin một chiều từ chủ thể đến khách thể.
- D. Các phương án trả lời còn lại đều sai.

14. **Nguồn gốc tự nhiên của ý thức là gì?**

- A. **Bộ óc người cùng với thế giới bên ngoài tác động lên bộ óc người.**
- B. Bộ óc với tính cách là một dạng vật chất có cấu trúc phức tạp, tổ chức tinh vi cùng với các hoạt động sinh lý của hệ thần kinh.
- C. Bộ óc và sự phản ánh hiện thực khách quan của con người.
- D. Bộ óc với tính cách là một dạng vật chất có cấu trúc phức tạp, tổ chức tinh vi và năng lực phản ánh của thế giới vật chất.

15. **Nguồn gốc xã hội của ý thức là gì?**

- A. Hoạt động lao động nặng nhọc và yêu cầu truyền đạt kinh nghiệm của con người.
- B. **Quá trình hoạt động lao động và giao tiếp ngôn ngữ của con người.**
- C. Hoạt động giao tiếp ngôn ngữ của con người.
- D. Hoạt động lao động cải tạo giới tự nhiên của con người.

16. **Xét về bản chất, ý thức là gì?**

- A. Sự phản ánh năng động, sáng tạo hiện thực khách quan vào óc con người, dựa trên các quan hệ xã hội.
- B. Hình ảnh chủ quan của thế giới tự nhiên khách quan.
- C. Hiện tượng xã hội, mang bản chất xã hội và chỉ chịu sự chi phối bởi các quy luật xã hội.
- D. Đời sống tâm linh của con người có nguồn gốc sâu xa từ Thượng đế.

17. **Yếu tố nào trong kết cấu của ý thức là cơ bản và cốt lõi nhất?**

- A. Niềm tin, ý chí.
- B. Tình cảm.
- C. Tri thức.
- D. Lý trí.

18. **Trong mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, ý thức có vai trò gì?**

- A. Tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người.
- B. Có khả năng tự chuyển thành hình thức vật chất nhất định để tác động vào hình thức vật chất khác.
- C. Tác động trực tiếp đến vật chất.
- D. Không có vai trò đối với vật chất, vì hoàn toàn phụ thuộc vào vật chất.

19. **Về mặt phương pháp luận, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức đòi hỏi điều gì?**

- A. Phải biết phát hiện ra mâu thuẫn để giải quyết kịp thời.
- B. Phải dựa trên quan điểm phát triển để hiểu được sự vận động như thế nào trong hiện thực.
- C. Phải xuất phát từ hiện thực vật chất và biết phát huy tính năng động, sáng tạo của ý thức.
- D. Phải dựa trên quan điểm toàn diện để xây dựng kế hoạch đúng và hành động kiên quyết.

20. **Phép biện chứng duy vật là khoa học nghiên cứu điều gì?**

- A. Sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.
- B. Mối liên hệ phổ biến và sự phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.
- C. Những quy luật phổ biến chi phối sự vận động và phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy con người.
- D. Thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng.

21. **Theo phép biện chứng duy vật, cái gì nguồn gốc sâu xa gây ra mọi sự vận động, phát triển xảy ra trong thế giới?**

- A. Cái hích của Thượng đế nằm bên ngoài thế giới.
- B. Mâu thuẫn bên trong sự vật, hiện tượng.
- C. Mâu thuẫn giữa lực lượng vật chất và lực lượng tinh thần.
- D. Khát vọng vươn lên của vạn vật.

22. **Bổ sung để được một khẳng định đúng theo phép biện chứng duy vật: «Các sự vật, hiện tượng . . . ».**

- A. tồn tại biệt lập, tách rời nhau trong sự phát triển.
- B. chỉ có những quan hệ bề ngoài mang tính ngẫu nhiên.
- C. không thể chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định.
- D. có mối liên hệ, quy định, ràng buộc lẫn nhau.

23. **Theo phép biện chứng duy vật, cơ sở tạo nên mối liên hệ phổ biến của vạn vật trong thế giới là gì?**

- A. Tính thống nhất vật chất của vạn vật trong thế giới.

- B. Sự thống trị của các lực lượng tinh thần.
C. Lực vạn vật hấp dẫn tồn tại trong thế giới.
D. Sự tồn tại của thế giới.
24. **Từ nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật chúng ta rút ra những nguyên tắc phương pháp luận nào cho hoạt động nhận thức và thực tiễn?**
A. Nguyên tắc phát triển, nguyên tắc toàn diện.
B. Nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc lịch sử - cụ thể.
C. Nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc phát triển.
D. Nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc phát triển.
25. **Khi xem xét sự vật, quan điểm toàn diện yêu cầu điều gì?**
A. Phải nhấn mạnh mọi yếu tố, mọi mối liên hệ của sự vật.
B. Phải coi các yếu tố, các mối liên hệ của sự vật là ngang nhau.
C. Phải nhận thức sự vật như một hệ thống chỉnh thể bao gồm những mối liên hệ qua lại giữa các yếu tố của nó cũng như giữa nó với các sự vật khác.
D. Phải xem xét các yếu tố, các mối liên hệ cơ bản, quan trọng và bỏ qua những yếu tố, những mối liên hệ không cơ bản, không quan trọng.
26. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây đúng?**
A. Phát triển là xu hướng chung của sự vận động xảy ra trong thế giới vật chất.
B. Phát triển là xu hướng vận động xảy ra bên ngoài sự ổn định của sự vật.
C. Phát triển là xu hướng vận động cụ thể của các sự vật cá biệt.
D. Phát triển là sự vận động luôn tiến bộ (không có thoái bộ) của thế giới vật chất.
27. **Bổ sung để được một câu đúng theo phép biện chứng duy vật: “Phát triển là xu hướng vận động . . .”.**
A. luôn tiến bộ của thế giới vật chất, xảy ra bên ngoài sự ổn định của sự vật, do sự giải quyết mâu thuẫn gây ra, thông qua bước nhảy về chất và hướng theo xu thế phủ định của phủ định.
B. từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, xảy ra trong thế giới vật chất.
C. từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, xảy ra bên ngoài sự vận động cụ thể của các sự vật cá biệt.
D. từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, xảy ra bên trong một sự vật cá biệt.
28. **Khi xem xét sự vật, quan điểm phát triển yêu cầu điều gì?**
A. Phải thấy được sự vật sẽ như thế nào trong tương lai.
B. Phải xem xét sự vật trong sự vận động, phát triển của chính nó.
C. Phải thấy được sự tiến bộ mà không cần xem xét những bước thụt lùi của sự vật.
D. Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
29. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây đúng?**
A. Cái riêng tồn tại trong những cái chung; thông qua những cái riêng mà cái chung biểu hiện sự tồn tại của chính mình.
B. Cái chung chỉ là một bộ phận của cái riêng; cái riêng không gia nhập hết vào trong cái chung.
C. Không phải cái đơn nhất và cái chung, mà là cái riêng và cái chung mới có thể chuyển hóa qua lại lẫn nhau.
D. Cái riêng tồn tại độc lập so với cái chung, và quyết định cái chung.
30. **Luận điểm nào sau đây phù hợp với phép biện chứng duy vật?**
A. Chỉ có cái chung hợp thành bản chất của sự vật mới là cái tất yếu.

- B. Mọi cái chung đều là cái tất yếu và mọi cái tất yếu đều là cái chung.
 C. Mọi cái chung đều là cái tất yếu nhưng không phải mọi cái tất yếu đều là cái chung.
 D. Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
31. ***Yêu cầu nào sau đây trái với ý nghĩa phương pháp luận của cặp phạm trù cái chung và cái riêng?***
 A. Muốn phát hiện ra cái chung phải xuất phát từ những cái riêng mà không nên xuất phát từ ý muốn chủ quan của con người.
 B. **Để giải quyết hiệu quả một vấn đề riêng nào đó chúng ta cần phải gác lại các vấn đề chung, đặc biệt là những vấn đề chung đang bất đồng.**
 C. Phải nắm vững điều kiện, tình hình, quy luật chuyển hóa qua lại giữa cái đơn nhất & cái chung để vạch ra các đối sách thích hợp.
 D. Khi áp dụng cái chung vào những cái riêng phải cá biệt hóa nó cho phù hợp với từng cái riêng cụ thể.
32. ***Theo phép biện chứng duy vật thì, trong quan hệ nhân quả khẳng định nào sau đây sai?***
 A. **Nguyên nhân xuất hiện cùng với kết quả.**
 B. Tùy thuộc vào điều kiện khác nhau mà một nguyên nhân có thể sinh ra nhiều hay ít kết quả.
 C. Nguyên nhân có trước kết quả.
 D. Nguyên nhân sản sinh ra kết quả.
33. ***Luận điểm nào sau đây phù hợp với phép biện chứng duy vật?***
 A. Không phải hiện tượng nào cũng có nguyên nhân.
 B. Mối liên hệ nhân quả chỉ tồn tại khi chúng ta nhận thức được nó.
 C. Ý thức con người đã sáng tạo ra mối liên hệ nhân quả.
 D. **Ý thức con người không sáng tạo ra mối liên hệ nhân quả.**
34. ***Bổ sung để được một câu đúng theo phép biện chứng duy vật: “Tất nhiên là cái do những nguyên nhân . . .”.***
 A. **bên trong sự vật quyết định, trong cùng một điều kiện nó phải xảy ra như thế chứ không thể khác được.**
 B. bên ngoài sự vật quyết định, trong cùng một điều kiện nó phải xảy ra như thế chứ không thể khác được.
 C. bên trong và bên ngoài sự vật quyết định, trong cùng một điều kiện nó phải xảy ra như thế chứ không thể khác được.
 D. siêu nhiên chi phối mà con người không thể biết được.
35. ***Bổ sung để được một câu đúng theo phép biện chứng duy vật: “Muốn hoạt động thực tiễn thành công chúng ta phải . . . để vạch ra đối sách”.***
 A. dựa vào cả cái tất nhiên lẫn cái ngẫu nhiên
 B. dựa vào cái ngẫu nhiên song không xem nhẹ cái tất nhiên
 C. dựa vào cái tất nhiên mà không cần dựa vào cái ngẫu nhiên
 D. **dựa vào cái tất nhiên song không xem nhẹ cái ngẫu nhiên**
36. ***Theo phép biện chứng duy vật, nội dung của sự vật là gì?***
 A. Là tất cả những thuộc tính lặp lại ở nhiều sự vật.
 B. Là tổng hợp tất cả những mặt bản chất của sự vật.
 C. **Là toàn bộ những mặt, những yếu tố, quá trình tạo nên sự vật.**
 D. Là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là mối liên hệ tương đối bền vững bên trong sự vật.

37. **Bổ sung để được một câu đúng theo phép biện chứng duy vật: “Muốn hoạt động thực tiễn thành công chúng ta phải . . . để vạch ra đối sách”.**
- A. bỏ qua tất cả những hình thức khác nhau chỉ lưu ý đến các hình thức giống nhau
 - B. biết sử dụng nhuần nhuyễn một hình thức ưa thích
 - C. **biết sử dụng nhiều hình thức khác nhau cho những nội dung khác nhau**
 - D. coi các hình thức khác nhau có vai trò như nhau
38. **Bổ sung để được một câu đúng theo phép biện chứng duy vật: “Muốn hoạt động thực tiễn thành công chúng ta phải chú ý đến . . . để vạch ra đối sách”.**
- A. nội dung
 - B. hình thức
 - C. hình thức song không bỏ qua nội dung
 - D. **nội dung song không bỏ qua hình thức**
39. **Theo phép biện chứng duy vật, bản chất là gì?**
- A. **Là tổng hợp tất cả các mặt, mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật.**
 - B. Là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là mối liên hệ tương đối bền vững bên trong sự vật.
 - C. Là tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, quá trình tạo nên sự vật.
 - D. Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
40. **Theo phép biện chứng duy vật, hiện tượng là gì?**
- A. Là cái xuyên tạc bản chất của sự vật.
 - B. Là một mặt của bản chất.
 - C. **Là những biểu hiện cụ thể của bản chất ở những điều kiện cụ thể.**
 - D. Là hình thức của sự vật.
41. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây sai?**
- A. Về cơ bản, hiện tượng và bản chất thống nhất với nhau.
 - B. Có hiện tượng biểu hiện đúng bản chất nhưng cũng có hiện tượng biểu hiện không đúng bản chất.
 - C. **Để hành động hiệu quả, chúng ta không chỉ dựa vào bản chất mà trước tiên cần xuất phát từ hiện tượng.**
 - D. Hiện tượng và bản chất là những cái đối lập nhau.
42. **Bổ sung để được một định nghĩa đúng theo phép biện chứng duy vật: “Hiện thực là phạm trù triết học dùng để chỉ . . .”.**
- A. cái đã, đang và sẽ có.
 - B. cái sẽ có.
 - C. cái đã có.
 - D. **cái hiện có.**
43. **Bổ sung để được một định nghĩa đúng theo phép biện chứng duy vật: “Khả năng là phạm trù triết học dùng để chỉ . . .”.**
- A. cái chưa chắc chắn có, nhưng chắc chắn sẽ có trong tương lai.
 - B. cái không hợp quy luật, phi hiện thực, không bao giờ xuất hiện.
 - C. cái hợp quy luật nhưng chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng, không thể biến thành cái hiện thực.
 - D. **cái chưa xuất hiện, song sẽ xuất hiện để trở thành cái hiện thực khi điều kiện hội đủ.**
44. **Bổ sung để được một câu đúng theo phép biện chứng duy vật: “Muốn hoạt động thực tiễn thành công chúng ta phải . . . để vạch ra đối sách”.**
- A. **dựa vào hiện thực, song cũng phải tính đến khả năng**

- B. dựa vào khả năng, song cũng phải tính đến hiện thực hiện thực
- C. dựa vào cả hiện thực lẫn khả năng
- D. tùy từng trường hợp mà nên dựa vào khả năng hay dựa vào hiện thực

45. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây sai?**

- A. Không có chất thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật.
- B. Chỉ có sự vật có chất mới tồn tại.
- C. Chỉ có sự vật có vô vàn chất mới tồn tại.
- D. **Sự vật và chất hoàn toàn đồng nhất với nhau.**

46. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây sai?**

- A. Lượng là tính quy định vốn của sự vật.
- B. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật.
- C. **Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người.**
- D. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật.

47. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây sai?**

- A. Chất của sự vật phụ thuộc vào cấu trúc của sự vật.
- B. Chất của sự vật phụ thuộc vào yếu tố cấu thành sự vật.
- C. **Chất của sự vật chỉ phụ thuộc vào số lượng các yếu tố cấu thành sự vật.**
- D. Chất của sự vật phụ thuộc vào đặc tính cơ bản của sự vật.

48. **Phạm trù “độ” trong quy luật Lượng – chất được hiểu như thế nào?**

- A. Sự biến đổi về chất mà lượng không thay đổi.
- B. **Khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản về chất.**
- C. Sự biến đổi về chất và lượng.
- D. Khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng bất kỳ cũng làm biến đổi về chất.

49. **Luận điểm nào sau đây xuất phát từ nội dung quy luật Lượng - chất?**

- A. Khi chất của sự vật có sự thay đổi đến độ nào đó thì lượng của sự vật cũng thay đổi, sự vật mới xuất hiện với chất mới và lượng mới thống nhất với nhau.
- B. Chất của sự vật là cái dễ thay đổi hơn lượng của nó.
- C. **Khi lượng của sự vật có sự thay đổi đến một mức độ nào đó thì chất của sự vật mới thay đổi.**
- D. Khi lượng của sự vật thay đổi thì chất của sự vật cũng thay đổi theo, sự vật mới xuất hiện với chất mới và lượng mới thống nhất với nhau.

50. **Quy luật chuyển hóa từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, và ngược lại nói lên phương diện nào của sự phát triển?**

- A. Khuynh hướng của sự vận động và phát triển.
- B. **Cách thức của sự vận động và phát triển.**
- C. Nguồn gốc của sự vận động và phát triển.
- D. Động lực của sự vận động và phát triển.

51. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây sai?**

- A. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc của sự vận động và phát triển.
- B. Có thể định nghĩa vắn tắt, phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các mặt đối lập.
- C. Mọi sự vật đều chứa trong mình những mặt hay khuynh hướng đối lập nhau, chúng tạo thành mâu thuẫn trong bản thân sự vật đó.
- D. **Mọi sự vật đều chứa trong mình những mặt hay khuynh hướng đối lập nhau, nhưng chúng chỉ thống nhất với nhau chứ không xung đột nhau.**

52. **Mâu thuẫn nào tồn tại trong suốt quá trình vận động và phát triển của bản thân sự vật?**

- A. Mâu thuẫn thứ yếu.
 B. Mâu thuẫn không cơ bản.
 C. **Mâu thuẫn cơ bản.**
 D. Mâu thuẫn đối kháng.
53. **Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu ở một giai đoạn phát triển của sự vật và chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn đó gọi là gì?**
 A. **Mâu thuẫn chủ yếu.**
 B. Mâu thuẫn cơ bản.
 C. Mâu thuẫn đối kháng.
 D. Mâu thuẫn bên trong.
54. **Sự chuyển hoá của các mặt đối lập của mâu thuẫn biện chứng được hiểu như thế nào?**
 A. Cả hai mặt đối lập hoàn toàn không còn tồn tại.
 B. Mặt đối lập này tiêu diệt mặt đối lập kia.
 C. **Cả hai mặt đối lập tự phủ định chính mình.**
 D. Cả hai mặt đối lập đổi chỗ cho nhau.
55. **Hoàn thiện câu của V.I.Lênin: “Sự phân đôi của cái thống nhất và sự nhận thức các bộ phận mâu thuẫn của nó, đó là thực chất của . . .”.**
 A. phép biện chứng duy vật.
 B. **phép biện chứng.**
 C. nhận thức luận duy vật biện chứng.
 D. nhận thức luận biện chứng.
56. **Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập chỉ rõ phương diện nào của sự vận động và phát triển?**
 A. Khuynh hướng của sự vận động và phát triển.
 B. **Nguồn gốc và động lực của sự vận động và phát triển.**
 C. Cách thức của sự vận động và phát triển.
 D. Nội dung của sự vận động và phát triển.
57. **Theo phép biện chứng duy vật, quá trình phủ định biện chứng có cội nguồn từ đâu?**
 A. Từ mong muốn của con người làm cho mọi vật trở nên tốt đẹp.
 B. **Từ việc giải quyết mâu thuẫn bên trong của sự vật.**
 C. Từ những thế lực bên ngoài sự vật.
 D. Từ những yếu tố siêu nhiên hay tiền định có sẵn trong sự vật.
58. **Theo phép biện chứng duy vật, phủ định biện chứng tất yếu dẫn đến điều gì?**
 A. Thử tiêu toàn bộ cái cũ, sự tất thắng ngay của cái mới.
 B. Sự vật cũ mất đi, sự phát triển tạm thời bị gián đoạn.
 C. **Sự phát triển của sự vật trên cơ sở kế thừa có chọn lọc từ cái cũ.**
 D. Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
59. **Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sai?**
 A. Phủ định của phủ định mở đầu một chu kỳ mới trong sự phát triển của sự vật.
 B. **Phủ định của phủ định kết thúc sự phát triển của sự vật.**
 C. Phủ định của phủ định kết thúc một chu kỳ phát triển của sự vật.
 D. Phủ định của phủ định làm cho sự vật dường như quay trở lại ban đầu nhưng trên cơ sở cao hơn.
60. **Quy luật phủ định của phủ định vạch rõ phương diện nào của sự phát triển?**

- A. Nội dung, cách thức của sự vận động và phát triển.
 B. Xu hướng, xu thế của sự vận động và phát triển.
 C. Nguồn gốc, động lực của sự vận động và phát triển.
 D. Các phương án trả lời còn lại đều sai.
61. Theo quan điểm biện chứng duy vật, thực tiễn là gì?
 A. Là hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người, nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội.
 B. Là hoạt động tinh thần có mục đích, mang tính năng động của con người, nhằm sáng tạo ra giới tự nhiên và đời sống xã hội của con người.
 C. Là hoạt động vật chất mang tính lịch sử - xã hội của con người, nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội.
 D. Là toàn bộ hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần của con người.
62. Hình thức cơ bản nhất của hoạt động thực tiễn là gì?
 A. Thực tiễn sản xuất vật chất.
 B. Thực tiễn chính trị – xã hội.
 C. Thực tiễn thực nghiệm khoa học.
 D. Thực tiễn giao tiếp cộng đồng.
63. Bổ sung để được một câu đúng: “Theo phép biện chứng duy vật, thực tiễn là. . . của nhận thức».
 A. cơ sở, nguồn gốc
 B. động lực
 C. mục đích
 D. Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
64. Con đường biện chứng của quá trình nhận thức phải diễn ra như thế nào?
 A. Từ nhận thức lý tính đến nhận thức cảm tính.
 B. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.
 C. Từ tư duy trừu tượng đến trực quan sinh động, từ trực quan sinh động đến thực tiễn.
 D. Từ trực quan sinh động đến thực tiễn, từ thực tiễn đến tư duy trừu tượng.
65. Nhận thức cảm tính có tính chất như thế nào?
 A. Sinh động, cụ thể, trực tiếp, sâu sắc.
 B. Trực tiếp, trừu tượng, khái quát, hời hợt.
 C. Sinh động, trừu tượng, trực tiếp, sâu sắc.
 D. Sinh động, cụ thể, trực tiếp, hời hợt.
66. Nhận thức lý tính có tính chất như thế nào?
 A. Trừu tượng, gián tiếp, khái quát, hời hợt.
 B. Trừu tượng, trực tiếp, khái quát, sâu sắc.
 C. Sâu sắc, trừu tượng, gián tiếp, khái quát.
 D. Sinh động, trừu tượng, gián tiếp, sâu sắc.
67. Theo phép biện chứng duy vật, định nghĩa nào sau đây đúng?
 A. Chân lý là lý luận của kẻ mạnh.
 B. Chân lý là tri thức rõ ràng, trong sáng, không có một tí nghi ngờ nào cả.
 C. Chân lý là tri thức phù hợp với khách thể mà nó phản ánh và được kiểm nghiệm qua thực tiễn.
 D. Chân lý là tư tưởng được nhiều người thừa nhận là đúng.

68. **Bổ sung để được một định nghĩa đúng theo phép biện chứng duy vật: “Chân lý tương đối là . . .”.**
- A. tri thức phản ánh đúng song chưa đủ về hiện thực.
 - B. tri thức đúng với người này nhưng không đúng với người khác.
 - C. sự tổng hợp những hiểu biết không mang tính tuyệt đối của con người.
 - D. tri thức mang tính quy ước do một thời đại hay một số nhà khoa học đưa ra để tiện lợi trong nhận thức thế giới.
69. **Bổ sung để được một định nghĩa đúng theo phép biện chứng duy vật: “Chân lý tuyệt đối là . . .”.**
- A. tri thức tuyệt đối đúng, phản ánh phù hợp với đối tượng trong mọi điều kiện cụ thể.
 - B. tổng vô hạn những chân lý tương đối.
 - C. công thức, sơ đồ lý luận chung của mọi cá nhân, dân tộc, được sử dụng trong mọi hoàn cảnh.
 - D. Các phương án trả lời còn lại đều đúng.
70. **Theo quan điểm biện chứng duy vật, tiêu chuẩn của chân lý là gì?**
- A. Là tri thức đã được kiểm nghiệm, đồng thời được nhiều người công nhận.
 - B. Là tính phi mâu thuẫn, tính rõ ràng hiển nhiên của tư tưởng.
 - C. Là lời nói, việc làm của các bậc vĩ nhân.
 - D. Là thực tiễn, cuộc sống của con người.
71. **Bổ khuyết câu của V.I.Lênin: “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan hay không, hoàn toàn không phải là một vấn đề . . .(1). . . mà là một vấn đề. . .(2). . . Chính trong. . .(3). . . mà con người phải chứng minh chân lý.”**
- A. 1 – thực tiễn, 2 – lý luận, 3 – nhận thức
 - B. 1 – nhận thức, 2 – lý luận, 3 – thực tiễn
 - C. 1 – lý luận, 2 – thực tiễn, 3 – thực tiễn
 - D. 1 – thực tiễn, 2 – lý luận, 3 – lý luận
72. **Phương thức sản xuất là gì?**
- A. Cách thức con người quan hệ với tự nhiên.
 - B. Cách thức chiếm đoạt lấy sản phẩm để sinh tồn.
 - C. Cách thức của con người thực hiện sản xuất vật chất ở mỗi giai đoạn lịch sử.
 - D. Cách thức con người quan hệ với nhau trong sản xuất.
73. **Yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất là gì?**
- A. Người lao động.
 - B. Tư liệu sản xuất.
 - C. Đối tượng lao động.
 - D. Công cụ lao động.
74. **Lực lượng sản xuất bao gồm các yếu tố nào?**
- A. Tư liệu sản xuất và người lao động.
 - B. Tư liệu sản xuất, công cụ lao động và người lao động.
 - C. Tư liệu sản xuất, công cụ lao động, người lao động và phương tiện lao động.
 - D. Tư liệu sản xuất, công cụ lao động, người lao động, phương tiện lao động và đối tượng lao động.
75. **Yếu tố nào trong lực lượng sản xuất là động nhất, cách mạng nhất?**
- A. Người lao động.
 - B. Khoa học và công nghệ hiện đại.
 - C. Công cụ lao động.

D. Kỹ năng lao động.

76. ***Yếu tố nào sau đây không thuộc về quan hệ sản xuất?***

- A. Quan hệ giữa người với người trong việc sở hữu đối với tư liệu sản xuất.
- B. Quan hệ giữa người với người trong việc tổ chức và quản lý sản xuất.
- C. **Quan hệ giữa người với người trong việc áp dụng các thành tựu khoa học vào sản xuất.**
- D. Quan hệ giữa người với người trong việc phân phối sản phẩm lao động.

77. ***Theo quan điểm duy vật lịch sử, luận điểm nào sau đây đúng?***

- A. **Trong ba mặt của quan hệ sản xuất thì quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất giữ vai trò cơ bản.**
- B. Trong ba mặt của quan hệ sản xuất thì quan hệ tổ chức, quản lý giữ vai trò cơ bản.
- C. Trong ba mặt của quan hệ sản xuất thì quan hệ phân phối sản phẩm giữ vai trò cơ bản.
- D. Tùy từng trường hợp mà chúng ta xác định mặt nào trong ba mặt của quan hệ sản xuất có vai trò cơ bản.

78. ***Trình độ của lực lượng sản xuất biểu hiện ở chỗ nào?***

- A. Nó sản xuất ra cái gì cho xã hội.
- B. **Trình độ của người lao động và công cụ lao động; việc tổ chức và phân công lao động.**
- C. Khối lượng sản phẩm nhiều hay ít mà xã hội tạo ra.
- D. Các phương án trả lời còn lại đều đúng.

79. ***Điều nào sau đây thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất?***

- A. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất; lực lượng sản xuất có tính độc lập tương đối so với quan hệ sản xuất và tác động trở lại quan hệ sản xuất.
- B. Tùy từng trường hợp mà lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, hay quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất.
- C. Lực lượng sản xuất quyết định trực tiếp quan hệ sản xuất; quan hệ sản xuất quyết định gián tiếp lực lượng sản xuất.
- D. **Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất; quan hệ sản xuất có tính độc lập tương đối so với lực lượng sản xuất và tác động trở lại lực lượng sản xuất.**

80. ***Trong chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở hạ tầng là khái niệm dùng để chỉ điều gì?***

- A. **Toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành kết cấu kinh tế của một xã hội nhất định.**
- B. Toàn bộ lực lượng sản xuất hợp thành cơ sở vật chất kỹ thuật của một xã hội nhất định.
- C. Toàn bộ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.
- D. Các công trình được xây dựng phục vụ cho các hoạt động của xã hội.

81. ***Đặc trưng nào của kiến trúc thượng tầng trong xã hội có đối kháng giai cấp thể hiện rõ nét nhất?***

- A. Truyền thống của dân tộc.
- B. Tư tưởng của giai cấp bị trị.
- C. **Tư tưởng của giai cấp thống trị.**
- D. Sự dung hòa giữa tư tưởng của giai cấp thống trị và tư tưởng của giai cấp bị trị.

82. ***Tính đối kháng của kiến trúc thượng tầng, xét cho cùng, do cái gì qui định?***

- A. Sự xung đột gay gắt về quan điểm, lối sống.
- B. Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp.
- C. Tranh giành quyết liệt quyền lực chính trị.
- D. **Sự đối kháng trong cơ sở hạ tầng.**

83. **Điều nào sau đây thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng?**
- Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng; cơ sở hạ tầng có tính độc lập tương đối so với kiến trúc thượng tầng và tác động trở lại kiến trúc thượng tầng.
 - Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng; kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối so với cơ sở hạ tầng và tác động trở lại cơ sở hạ tầng.**
 - Tùy từng trường hợp mà cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, hay kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng.
 - Cơ sở hạ tầng quyết định trực tiếp kiến trúc thượng tầng; kiến trúc thượng tầng quyết định gián tiếp cơ sở hạ tầng.
84. **Nguồn gốc vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là gì?**
- Sự tăng lên không ngừng của năng xuất lao động.
 - Sự phát triển liên tục của lực lượng sản xuất.**
 - Quần chúng nhân dân không ngừng nổi dậy đấu tranh chống các thế lực phản động trong xã hội.
 - Mâu thuẫn giai - tầng trong xã hội, sự thay đổi của quan hệ sản xuất.
85. **Lực lượng sản xuất có vai trò như thế nào trong một hình thái kinh tế - xã hội?**
- Nền tảng vật chất - kỹ thuật của xã hội.**
 - Bảo vệ trật tự kinh tế của xã hội.
 - Quy định thái độ và hành vi của con người trong xã hội.
 - Quy định mọi quan hệ xã hội.
86. **Quan hệ sản xuất có vai trò gì trong một hình thái kinh tế - xã hội?**
- Quy định cơ sở vật chất - kỹ thuật.
 - Duy trì và bảo vệ cơ sở hạ tầng.
 - Quy định trình độ (tính chất) của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng của xã hội.
 - Quy định mọi quan hệ xã hội, nói lên thực chất của hình thái kinh tế - xã hội.**
87. **Ý thức xã hội có thể phân chia thành những cấp độ nào?**
- Ý thức nhân loại, ý thức dân tộc và ý thức giai cấp.
 - Ý thức chung và ý thức riêng.
 - Ý thức thông thường và ý thức lý luận**
 - Ý thức cá nhân và ý thức tập thể.
88. **Điều kiện cơ bản để ý thức xã hội có thể tác động đến tồn tại xã hội là gì?**
- Hoạt động thực tiễn của con người.**
 - Ý thức xã hội phải có tính vượt trước.
 - Chuẩn bị đầy đủ những điều kiện vật chất.
 - Ý thức xã hội phù hợp với tồn tại xã hội.
89. **Quy luật xã hội nào giữ vai trò quyết định đối với sự vận động và phát triển của xã hội?**
- Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.**
 - Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.
 - Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng.
 - Quy luật đấu tranh giai cấp.
90. **Thực chất của mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là gì?**
- Quan hệ giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần xã hội.
 - Quan hệ giữa kinh tế và chính trị.**

- C. Quan hệ giữa các giai cấp có lợi ích đối kháng nhau.
- D. Quan hệ giữa tồn tại xã hội với ý thức xã hội.

91. **C.Mác viết: “Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử – tự nhiên”, được hiểu theo nghĩa nào sau đây?**

- A. Sự phát triển của các HT KT-XH cũng giống như sự phát triển của tự nhiên, chỉ xảy ra bên ngoài hoạt động có ý thức của con người.
- B. Sự phát triển của các HT KT-XH chỉ tuân theo quy luật khách quan của xã hội.
- C. Sự phát triển của các HT KT-XH vừa tuân theo các quy luật chung của xã hội vừa bị chi phối bởi điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc.
- D. Sự phát triển của các HT KT-XH chỉ tuân theo các quy luật chung.

92. **Đấu tranh giai cấp, xét đến cùng, nhằm vào mục đích gì?**

- A. Phát triển sản xuất.
- B. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp, giành lấy lợi ích kinh tế.
- C. Lật đổ sự áp bức của giai cấp thống trị phản động, giành lấy chính quyền về tay giai cấp cách mạng.
- D. Xóa bỏ chế độ tư hữu, thủ tiêu xã hội có giai cấp.

93. **Điều cơ bản nào cho phép phân biệt các giai cấp khác nhau trong xã hội?**

- A. Sự khác nhau về quan hệ đối với việc sở hữu tư liệu sản xuất.
- B. Sự khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập.
- C. Sự khác nhau về địa vị trong một trật tự kinh tế - xã hội.
- D. Sự khác nhau về vai trò trong hệ thống tổ chức, quản lý sản xuất.

94. **Cái gì là nguồn gốc, cơ sở của sự ra đời và tồn tại giai cấp?**

- A. Chế độ chiếm hữu nô lệ.
- B. Chế độ tư hữu.
- C. Chế độ người bóc lột người.
- D. Chế độ lao động làm thuê.

95. **Nguyên nhân sâu xa làm xuất hiện và duy trì sự tồn tại của nhà nước là gì?**

- A. Thế lực siêu nhiên, tiền định.
- B. Những mong ước của nhân dân về một xã hội có trật tự, kỷ cương, công bằng...
- C. Đấu tranh giai cấp.
- D. Sự ra đời và tồn tại chế độ tư hữu.

96. **Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề gì?**

- A. Tiêu diệt giai cấp thống trị.
- B. Giành chính quyền.
- C. Xây dựng lực lượng vũ trang để cải cách chính quyền.
- D. Vận động quần chúng nhân dân tham gia lực lượng vũ trang.

97. **Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội là gì?**

- A. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất cũ.
- B. Mâu thuẫn về quan điểm giữa những lực lượng chính trị khác nhau trong xã hội.
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp cách mạng và giai cấp phản cách mạng.
- D. Mâu thuẫn giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

98. **Quan điểm duy vật lịch sử coi “con người là sản phẩm của lịch sử” được hiểu như thế nào?**

- A. Con người cũng như động vật đều là sản phẩm của lịch sử tự nhiên, vì thế con người và động vật là như nhau.

- B. Bản chất của con người đã được quy định bởi các quan hệ ở mỗi thời điểm nhất định, do đó nó không thay đổi.
- C. Con người không thể làm chủ vận mạng của mình mà hoàn toàn lệ thuộc vào tính quy định của lịch sử.
- D. Bản chất của con người cũng luôn thay đổi là do sự thay đổi của những mối quan hệ và điều kiện lịch sử cụ thể quy định.

99. *Bổ sung để được một định nghĩa đúng theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: “Vĩ nhân là . . .”.*

- A. người sinh ra vốn có tư chất thông minh.
- B. cá nhân năng lực và phẩm chất kiệt xuất về một lĩnh vực hoạt động nhất định.
- C. cá nhân được tập thể bầu ra làm người lãnh đạo phong trào cách mạng.
- D. cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, biết hy sinh cho lợi ích của dân tộc, nhân loại.

100. *Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, lực lượng cơ bản quyết định mọi sự biến đổi mang tính cách mạng xảy ra trong xã hội là ai?*

- A. Lãnh tụ và các chính đảng.
- B. Giai cấp thống trị và cách mạng.
- C. Quần chúng nhân dân.
- D. Các giai tầng tiến bộ.